

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**  
**NGÀNH, NGHỀ KỸ THUẬT CHĂM SÓC TÓC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-CDNCN, ngày 29/5/2020  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội)*



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 153/QĐ-CDNCN, ngày 29 tháng 5 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội)*

**Tên ngành, nghề: Kỹ thuật chăm sóc tóc**

**Mã ngành, nghề:**

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Đào tạo chính quy hoặc đào tạo thường xuyên

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương

**Thời gian đào tạo:** 02 năm.

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

- Sau khi hoàn thành khoá học, học viên thiết kế được các kiểu tóc theo yêu cầu của khách hàng, xử lý, khắc phục được những yếu điểm của mái tóc khách hàng bằng các kỹ năng cắt, uốn, duỗi và chăm sóc, tư vấn được cho khách hàng các sử dụng mái tóc của mình.

Có thể vận hành được salon về làm tóc của mình hoặc các đơn vị khác.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- + Trình bày được và hiểu biết về các loại tóc; cấu trúc, cấu tạo, thành phần hóa học của các sản phẩm chăm sóc tóc ; các trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho chăm sóc tóc.
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về chăm sóc tóc; quy trình gội, massage đầu, các phương pháp chia tóc và sử dụng các công cụ, dụng cụ trong nghề thiết kế tạo mẫu tóc... các quy trình cắt các kiểu tóc.
- + Trình bày được các phương pháp uốn các kiểu tóc, duỗi tóc, nhuộm tóc.
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về tác phong, setup và điều hành Salon tóc.

- Kỹ năng:

- + Lựa chọn được các trang thiết bị dụng cụ phù hợp với yêu cầu chăm sóc tóc.
- + Thực hiện thành thạo kỹ năng gội đầu rửa mặt, massage mặt.
- + Thực hiện thành thạo kỹ năng massage đầu, cổ, vai, gáy.
- + Thực hiện các thao tác chia tóc thành thạo và chuẩn mực.

- + Thực hiện thành thạo quy trình uốn, duỗi các kiểu tóc.
- + Thực hiện thành thạo quy trình pha thuốc, kỹ năng áp dụng thuốc nhuộm các kiểu tóc.
- + Thực hiện thành thạo tư thế đứng, tư thế cầm kéo, lược.
- + Quy trình thực hiện các kiểu cắt tóc thành thạo.
- + Thực hiện cắt tạo kiểu tóc và bới tóc thành thạo cho khách hàng;
- + Lựa chọn được các màu mắt phù hợp với làn da, áo quần, hoàn cảnh buổi tiệc;
- + Thao tác kỹ năng vẽ chân mày thành thạo;
- + Thực hiện thành thạo kỹ năng trang điểm nền, mắt, môi;
- + Thực hiện thành thạo các thao tác kỹ năng chăm sóc da trước và sau khi trang điểm;

+ Thực hiện thành thạo trang điểm dạng khuôn mặt, chỉnh sửa khuyết điểm, trang điểm các dạng mắt, trang điểm cơ bản, trang điểm lễ cưới;

- + Thực hiện công tác an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc khách hàng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có mục tiêu nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo trong nghề nghiệp. Có tác phong nhanh nhẹn, khiêm tốn, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho xã hội.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trung cấp nghề Kỹ thuật chăm sóc tóc, học viên có thể trực tiếp tham gia lao động nghề với các nhiệm vụ:

- Kỹ thuật viên (chuyên viên) chăm sóc tóc cho các salon cắt uốn tóc.
- Quản lý điều hành các salon tóc.
- Thành lập Trung tâm dạy nghề chăm sóc tóc thẩm mỹ.
- Làm chủ Beautysalon cắt uốn tóc.

Ngoài ra, khi được bổ sung các kiến thức cơ bản về sư phạm, học viên có khả năng trở thành các giáo viên dạy nghề kỹ thuật chăm sóc tóc.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 23
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 72 tín chỉ
- Khối lượng các môn chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các mô học, mô đun chuyên môn: 1600 giờ, trong đó:
  - + Khối lượng các môn học, mô đun cơ sở: 155 giờ.
  - + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1445 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 435 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1420 giờ.

## 3. Nội dung chương trình

| Mã<br>MH/M<br>Đ | Tên môn học/mô đun                   | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian học tập (giờ) |              |                                                                 |                     | Số đầu<br>điểm<br>thi/<br>kiểm<br>tra |
|-----------------|--------------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------|
|                 |                                      |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                                 |                     |                                       |
|                 |                                      |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực hành/<br>thực<br>tập/thí<br>nghiệm/bài<br>tập/thảo<br>luận | Thi/<br>kiểm<br>tra |                                       |
| I               | Các môn học chung                    | 12               | 255                     | 94           | 148                                                             | 13                  |                                       |
| MH 01           | Giáo dục quốc phòng và an ninh       | 2                | 45                      | 21           | 21                                                              | 3                   |                                       |
| MH 02           | Tin học                              | 2                | 45                      | 15           | 29                                                              | 1                   |                                       |
| MH 03           | Giáo dục thể chất                    | 1                | 30                      | 4            | 24                                                              | 2                   |                                       |
| MH 04           | Pháp luật                            | 1                | 15                      | 9            | 5                                                               | 1                   |                                       |
| MH 05           | Giáo dục chính trị                   | 2                | 30                      | 15           | 13                                                              | 2                   |                                       |
| MH 06           | Tiếng Anh                            | 4                | 90                      | 30           | 56                                                              | 4                   |                                       |
| II              | Môn học, mô đun cơ sở                | 7                | 155                     | 60           | 83                                                              | 12                  | 9                                     |
| MĐ07            | An toàn lao động                     | 1                | 30                      | 10           | 18                                                              | 2                   | 3                                     |
| MĐ08            | Kỹ năng mềm                          | 1                | 30                      | 10           | 18                                                              | 2                   | 2                                     |
| MĐ09            | Giới thiệu về thẩm mỹ                | 2                | 45                      | 25           | 15                                                              | 5                   | 2                                     |
| MĐ10            | Tổng quan về tóc và da đầu           | 2                | 50                      | 15           | 32                                                              | 3                   | 2                                     |
| III             | Môn học, mô đun chuyên môn           | 53               | 1445                    | 271          | 1074                                                            | 100                 | 52                                    |
| MĐ11            | Kỹ thuật gội đầu                     | 4                | 90                      | 30           | 55                                                              | 5                   | 4                                     |
| MĐ12            | Tạo kiểu tóc                         | 4                | 90                      | 30           | 55                                                              | 5                   | 4                                     |
| MĐ13            | Cắt tóc cơ bản                       | 5                | 120                     | 30           | 85                                                              | 5                   | 4                                     |
| MĐ14            | Uốn duỗi tóc cơ bản                  | 4                | 90                      | 25           | 60                                                              | 5                   | 4                                     |
| MĐ15            | Nhuộm tóc cơ bản                     | 4                | 90                      | 30           | 55                                                              | 5                   | 4                                     |
| MĐ16            | Thực tập chuyên đề                   | 4                | 125                     | 8            | 109                                                             | 8                   | 4                                     |
| MĐ17            | Vẽ sơ đồ thiết kế kiểu tóc           | 2                | 45                      | 10           | 32                                                              | 3                   | 2                                     |
| MĐ18            | Cắt tóc nâng cao                     | 5                | 120                     | 17           | 93                                                              | 10                  | 4                                     |
| MĐ19            | Nhuộm tóc nâng cao                   | 5                | 120                     | 20           | 90                                                              | 10                  | 5                                     |
| MĐ20            | Make up cơ bản                       | 5                | 120                     | 31           | 79                                                              | 10                  | 5                                     |
| MĐ21            | Bới tóc                              | 4                | 90                      | 23           | 56                                                              | 11                  | 5                                     |
| MĐ22            | Setup và quản trị salon              | 2                | 45                      | 10           | 32                                                              | 3                   | 3                                     |
| MĐ23            | Trải nghiệm và thực tập doanh nghiệp | 7                | 300                     | 17           | 273                                                             | 10                  | 5                                     |
| Tổng cộng       |                                      | 72               | 1855                    | 435          | 1305                                                            | 115                 | 62                                    |

#### 4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun:

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun và được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (gọi tắt là Thông tư 09) và Quyết định số 477/QĐ-CDNCN, ngày 28/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ liên thông theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp.

##### 4.3.1. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học, mô đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

c) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, mô đun cụ thể được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ.

##### 4.3.2. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

b) Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định;

c) Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước trên thời khóa biểu trước 01 tuần; trong kỳ thi, từng môn học, mô đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô đun trong cùng một buổi thi của một người học;

d) Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô-đun.

đ) Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học, mô đun ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học, mô đun từ 1 - 2 ngày làm việc;

e) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo

số báo danh; đối với hình thức thi khác, hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác;

f) Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản;

g) Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun.

4.3.3. Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Chương trình đào tạo theo niên chế:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác

4.5.1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun

a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô đun khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô đun được quy định trong chương trình môn học, mô đun;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

b) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được Hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

4.5.2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô đun

a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô đun lần thứ nhất, nếu điểm môn học, mô đun chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi khác do trường tổ chức;

b) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được hiệu trưởng bố trí dự thi ở kỳ thi khác.

4.5.3. Học và thi lại

a) Người học phải học và thi lại môn học, môn chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi;
- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, môn nhưng điểm môn học, môn chưa đạt yêu cầu;

b) Người học thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học, môn lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi mới được dự thi kết thúc môn học, môn;

c) Trường hợp không còn môn học, môn do điều chỉnh chương trình thì Hiệu trưởng quyết định chọn môn học, môn khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**(Đã ký)**